

Số: 512 /CV-BVT

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 9 năm 2022

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Bắc Ninh

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 161/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế cấp ngày 16/9/2022.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền – phường Võ Cường – Thành phố Bắc Ninh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCCKII. Nguyễn Văn Đường.

Điện thoại liên hệ: 0222.3821.242. **Email:** bvdkbacninh@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây

1. Ngành/chuyên ngành đào tạo: *Phụ lục 1.*
2. Trình độ đào tạo thực hành: *Phụ lục 1.*
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: *Phụ lục 2.*
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *Phụ lục 2.*
5. Danh sách các khoa phòng trung tâm tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: *Phụ lục 1, Phụ lục 2.*
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *Phụ lục 3.*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định. 



Hạ Bá Chân

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đặt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CK 60 73 05	CKI	Dược lý - Dược lâm sáng	Khối kiến thức chuyên ngành	Quản lý cung ứng thuốc tại cơ sở điều trị	Dược	3	15	-	-	0	15
					Sử dụng thuốc trong điều trị 1	TT Tim mạch	3	15	80	240	0	15
						Nội Hô hấp	3	15	75	225	0	15
						Nội TH - CBVM	1	5	80	240	0	5
					Sử dụng thuốc trong điều trị 2	Truyền nhiễm	4	20	45	135	0	20
						TT Ung bướu	4	20	210	630	0	20
				Khối kiến thức chuyên ngành	Sử dụng thuốc trong điều trị 3	Lão khoa - thần kinh	2	10	60	180	0	10
						Nội tiết - CXX	2	10	55	165	0	10

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung	Tên khon/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khon/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	CK 60 72 53	CKJ	Tai mũi họng		Thông tin thuốc và cảnh giác được	Dược	2	10	-	-	0	10
					Dược động học lâm sàng	Dược	2	10	-	-	0	10
					Răng hàm mắt	Răng hàm mắt	2	10	30	90	0	10
					Thần kinh	Lão khoa – thần kinh	2	10	60	180	0	10
					Ung thư	TT Ung bướu	4	20	210	630	0	20
					Mắt	Mắt	2	10	20	60	0	10
				Khối kiến thức chuyên ngành	Định hướng chuyên khoa	Tai – Mũi – Họng	3	15	25	75	0	15
					Bệnh học Tai xương chũm							
					Bệnh học mũi xoang							
					Bệnh học Họng thanh quản							

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ

Lớp CKI Dược lý – Dược lâm sàng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, CK, nội trú,....	Ngành, CN đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu TH	Số giảng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Ngô Văn Hữu	DSCKII	Quản lý dược	-	-	18	Khối kiến thức chuyên ngành	Quản lý cung ứng thuốc tại cơ sở điều trị	Dược	-
2	Nguyễn Thị Ngân	Tiến sĩ	Dược	-	-	2		Dược động học lâm sàng		
3	Phan Thị Hoa	DSCKI	Dược lý – Dược LS	000873/BN- CCHN	Nhà thuốc, Đại lý thuốc cho DN, Quầy thuốc	11		Thông tin thuốc và cảnh giác được		
3	Nguyễn Thanh Phượng	BSCKII	Nội khoa	000729/BN- CCHN	KB, chữa bệnh CK Nội – Tim mạch	21		Sử dụng thuốc trong điều trị 1	Trung tâm Tim mạch	80
4	Lê Văn Sơn	Thạc sĩ	Nội khoa	0001459/BN- CCHN	KB, chữa bệnh CK Nội – Tim mạch	13				
5	Hoàng Công Quyền	Thạc sĩ	Nội khoa	0001453/BN- CCHN	KB, chữa bệnh CK Nội – Tim mạch	13				
6	Nguyễn Phương Mai	Thạc sĩ	Nội khoa	001291/BN- CCHN	KB, chữa bệnh Nội khoa Hô hấp	17				
7	Trần Thị Thuận	Thạc sĩ	Nội khoa	0001525/BN - CCHN	KB, chữa bệnh Nội khoa Hô hấp	11		Sử dụng thuốc trong điều trị 1	Nội Hô hấp	75
8	Nguyễn Viết Quán	BSCKI	Nội khoa	001083/BN - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội	10				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, CK, nội trú,...	Ngành, CN đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu TH	Số giường đạt yêu cầu TH
9	Trần Văn Sơn	Thạc sĩ	Nội khoa	0001481/BN- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội	15	Khối kiến thức chuyên ngành	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	Nội Tiêu hóa - CBVM	80
10	Nguyễn Văn Dũng	BSCKII	Y tế công cộng	001397/BN- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Truyền nhiễm	27		Sử dụng thuốc trong điều trị 2	Truyền nhiễm	45
11	Nguyễn Thanh Hải	BSCKII	Ngoại khoa	0001590/BN- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Ngoại	25		Sử dụng thuốc trong điều trị 2	Trung tâm ung bướu	210
12	Trần Văn Nghĩa	Thạc sĩ	Ung thư	001309/BN- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Ung bướu	13				
13	Đoàn Thị Quyên	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0001457/BN- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Ung bướu	15				
14	Nguyễn Thị Thúy	BSCKI	Ung thư	001067/BN- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Ung bướu	13	Khối kiến thức chuyên ngành	Sử dụng thuốc trong điều trị 3	Lão khoa - Thần kinh	60
15	Nguyễn Văn Ái	BSCKI	Nội khoa	0003533/BN - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội - Nội soi dạ dày	8				
16	Nguyễn Thị Loan	Thạc sĩ	Nội khoa	001391/BN - CCHN	KB, chữa bệnh CK Nội - Tim mạch	15				
17	Nguyễn Thị Oanh	BSCKI	Nội khoa	0001445/BN- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội	14		Sử dụng thuốc trong điều trị 3	Nội tiết - CNK	55
18	Nguyễn Thị Hạnh	BSCKI	Nội khoa	001063/BN- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội	11				

Lớp CKI Tai Mũi Họng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, CK, nội trú...	Ngành, CN đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/hoạt động chuyên môn	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu TH	Số giường đạt yêu cầu TH
1	Lê Đức Đồng	BSCKII	Tai Mũi Họng	000546/BN-CCHN	KB, chữa bệnh CK TMH	24	Khối kiến thức chuyên ngành	Định hướng chuyên khoa	Tai Mũi Họng	25
2	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng	0001513/BN-CcHN	KB, chữa bệnh CK TMH	17		Bệnh học Tai xương chũm		
3	Nguyễn Xuân Tiến	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng	0001512/BN-CCHN	KB, chữa bệnh CK TMH	14		Bệnh học mũi xoang		
4	Nguyễn Dương Cẩm	BSCKI	Mắt	000726/BN-CCHN	KB, chữa bệnh CK Mắt	25		Bệnh học Họng thanh quản		
5	Ngô Thúy Hằng	Thạc sĩ	Mắt	001171/BN-CCHN	KB, chữa bệnh CK Mắt	14	Khối kiến thức cơ sở ngành	Mắt	Mắt	20
6	Nguyễn Huy Tùng	Thạc sĩ	Răng hàm mặt	001406/BN-CCHN	KB, chữa bệnh CK RHM	28		Răng hàm mặt	Răng hàm mặt	30
7	Trần Văn Nghĩa	Thạc sĩ	Ung thư	001309/BN-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Ung bướu	13		Ung thư	TTUB	210
8	Đoàn Thị Quyên	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0001457/BN-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Ung bướu	15		Thần kinh	Lão khoa – thần kinh	60
9	Nguyễn Thị Thúy	BSCKI	Ung thư	001067/BN-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Ung bướu	13				
10	Nguyễn Văn Ái	BSCKI	Nội khoa	0003533/BN-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội – Nội soi dạ dày	8				
11	Nguyễn Thị Loan	Thạc sĩ	Nội khoa	001391/BN-CCHN	KB, chữa bệnh CK Nội – Tim mạch	15				

Phục lục 3

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

1. Cơ sở vật chất:

- + Phòng học: Bệnh viện, các khoa, trung tâm có đủ phương tiện, dụng cụ phục vụ đào tạo thực hành (phòng học, phòng giao ban, phòng trực ...)
- + Số lượng hội trường của bệnh viện: 09 phòng
- + Số lượng phòng phục vụ đào tạo tại các khoa trung tâm: 37
- + Số lượng phòng trực tại các khoa trung tâm: 26 phòng

2. Các phương tiện phục vụ dạy và học tập:

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1.	Máy điện tim 6 cần	01
2.	Bơm tiêm điện	05
3.	Bộ hút đờm dãi tường	01
4.	Monitor theo dõi bệnh nhân	01
5.	Máy đo SPO2	01
6.	Máy khí dung	05
7.	Máy test đường máu mao mạch	01
8.	Hệ thống máy xạ trị gia tốc đa lá Precise của hãng Elekta ;	01
9.	Hệ thống máy CT Sim gồm máy CT 8 dãy Bright Speed S ;	01
10.	Hệ thống máy xạ trị áp MultiSource của hãng Eckert và Ziegler BEBIG ;	01
11.	Hệ thống máy xạ hình SPECT hai đầu thu;	01
12.	Máy khí dung	07
13.	Máy hút đờm	04
14.	Máy siêu âm	01
15.	Mornitor	01

16.	Sinh hiển vi khám bệnh	03
17.	Đo khúc xạ	01
18.	Đèn chiếu thử thị lực	02
19.	Bộ thử kính	03
20.	Bộ đo nhãn áp	02
21.	Bộ tiểu phẫu	03
22.	Bộ chích chấp lệ	03
23.	Bộ thông lệ đạo	03
24.	Đèn soi đáy mắt	01
25.	Máy chụp đáy mắt không huỳnh quang	01
26.	Bộ nội soi TMH	02
27.	Máy đo thính lực	03
28.	Máy khoan xương	03
29.	Máy nội soi TMH	02
30.	Bộ nội soi gấp dị vật thực quản	01
31.	Bộ cắt Amidan gây mê	01
32.	Bàn tit	01
33.	Đèn quang trùng hợp	02
34.	Ghế răng	06
35.	Labo răng (bộ)	01
36.	Máy điều trị nội nha	01
37.	Máy hút dịch	01
38.	Máy lấy cao răng	01